BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

06/05/2014
15h15 B23B24

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Quản trị Marketing dịch vụ (Học phần học bổ sung) - 1104020

Mã lớp học phần: 110402001 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Vũ Ngọc Yến

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090002	Dương Thị Thúy	An	29/12/1993		6,1	Sáu phẩy một	C13QT1	
2	1110090004	Ngô Thị Thúy	An	06/03/1993		6,9	Sáu phẩy chín	C13QT1	
3	1110090006	Đặng Thị Lan	Anh	14/02/1993		4,9	Bốn phẩy chín	C13QT1	
4	1110090008	Lê Ngọc	Anh	03/03/1989		6,1	Sáu phẩy một	C13QT1	
5	1110090007	Ngô Ngọc	Anh	21/02/1993		5,1	Năm phẩy một	C13QT1	
6	1110090009	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/10/1993		4,7	Bốn phẩy bảy	C13QT1	
7	1110090012	Phan Thị Quỳnh	Anh	30/12/1992		7,2	Bảy phẩy hai	C13QT1	
8	1110090013	Phạm Ngọc	Anh	01/07/1986		6,9	Sáu phẩy chín	C13QT1	
9	1110090011	Phạm Thị Trâm	Anh	08/07/1993		6,9	Sáu phẩy chín	C13QT1	
10	1110090014	Phạm Tuấn	Anh	10/11/1993		6,8	Sáu phẩy tám	C13QT1	
11	1110090015	Quảng Phụng	Anh	05/12/1992		6,4	Sáu phẩy bốn	C13QT1	
12	1110090010	Uông Nhật	Anh	24/06/1993		5,1	Năm phẩy một	C13QT1	
13	1110090017	La Quang	Bảo	12/06/1993		4,8	Bốn phẩy tám	C13QT1	
14	1110090016	Ngô Hoàng	Bảo	22/01/1993		7,2	Bảy phẩy hai	C13QT1	
15	1110090022	Đỗ Nguyễn Văn	Bin	28/04/1993		5,7	Năm phẩy bảy	C13QT1	
16	1110090023	Nguyễn Thiên	Bình	01/12/1991		3,8	Ba phẩy tám	C13QT1	
17	1110090021	Nguyễn Ngọc	Bích	29/11/1992		5,9	Năm phẩy chín	C13QT1	
18	1110090019	Trần Thị Ngọc	Bích	12/02/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
19	1110090024	Nguyễn Thị Huyền	Chân	14/10/1993		4,5	Bốn phẩy năm	C13QT1	
20	1110090025	Nguyễn Minh	Châu	23/02/1991		5,6	Năm phẩy sáu	C13QT1	
21	1110090027	Nguyễn Ngọc	Châu	14/08/1992		5,6	Năm phẩy sáu	C13QT1	
22	1110090026	Trần Thị Kim	Châu	17/01/1993		6,0	Sáu phẩy không	C13QT1	
23	1110090028	Nguyễn Thị Kim	Chi	23/12/1993		5,7	Năm phẩy bảy	C13QT1	
24	1110090029	Trần Thị Kiều	Chinh	24/10/1992		4,2	Bốn phẩy hai	C13QT1	
25	1110090030	Nguyễn Thị Huy	Chương	20/01/1993		5,6	Năm phẩy sáu	C13QT1	
26	1110090032	Kiều Văn	Công	11/09/1992		4,5	Bốn phẩy năm	C13QT1	
27	1110090031	Nguyễn Bá	Công	17/05/1993		5,2	Năm phẩy hai	C13QT1	
28	1110090034	Nguyễn Thị Thu	Cúc	07/12/1993		4,8	Bốn phẩy tám	C13QT1	
29	1110090033	Nguyễn An Thanh	Cường	10/06/1993		4,8	Bốn phẩy tám	C13QT1	
30	1110090035	Lê Công	Danh	18/04/1993		4,8	Bốn phẩy tám	C13QT1	
31	1110090036	Nguyễn Hồ Công	Danh	06/01/1992		4,0	Bốn phẩy không	C13QT1	
32	1110090037	Nguyễn Hồng	Diễm	22/05/1992		4,7	Bốn phẩy bảy	C13QT1	
33	1110090038	Phan Thị Lệ	Diễm	19/08/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
34	1110090039	Nguyễn Thị Thùy	Diệu	02/05/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1110090045	Bùi Thị Thùy	Dung	11/03/1993		5,4	Năm phẩy tư	C13QT1	
	1110090046	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	29/07/1993		6,7	Sáu phẩy bảy	C13QT1	
37	1110090044	Nguyễn Thị Trọng	Dung	12/03/1991		5,4	Năm phẩy tư	C13QT1	
38	1110090053	Nguyễn Văn	Duy	07/07/1992		5,2	Năm phẩy hai	C13QT1	
39	1110090054	Thân Quốc	Duy	20/10/1993		6,3	Sáu phẩy ba	C13QT1	
40	1110090058	Đỗ Thị	Duyên	01/03/1993		4,7	Bốn phẩy bảy	C13QT1	
41	1110090057	Lê Thị Kim	Duyên	07/12/1993		6,6	Sáu phẩy sáu	C13QT1	
42	1110090055	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	02/10/1993		7,3	Bảy phẩy ba	C13QT1	
43	1110090056	Trần Thị Ngân	Duyên	09/10/1993		4,3	Bốn phẩy ba	C13QT1	
44	1110090059	Trương Thị Mỹ	Duyên	08/04/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
45	1110090050	Trần Hoàng	Dũng	02/09/1992		6,4	Sáu phẩy bốn	C13QT1	
46	1110090043	Đinh Thị Thùy	Dương	09/09/1993		5,0	Năm phẩy không	C13QT1	
47	1110090041	Đỗ Thùy	Dương	26/12/1992		6,4	Sáu phẩy bốn	C13QT1	
48	1110090042	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/10/1993		2,0	Hai phẩy không	C13QT1	
49	1110090062	Dương Trường	Giang	18/09/1992		5,5	Năm phẩy năm	C13QT1	
50	1110090063	Nguyễn Thị Trà	Giang	04/09/1993		5,9	Năm phẩy chín	C13QT1	
51	1110090061	Nguyễn Trường	Giang	04/04/1993		4,2	Bốn phẩy hai	C13QT1	
52	1110090071	Đỗ Phạm Thu	Hà	18/03/1993		5,7	Năm phẩy bảy	C13QT1	
53	1110090073	Hoàng Thị Như	Hà	29/12/1993				C13QT1	
54	1110090072	Ngô Thị Việt	Hà	15/03/1993		5,3	Năm phẩy ba	C13QT1	
55	1110090074	Bành Quốc	Hải	30/05/1991		4,9	Bốn phẩy chín	C13QT1	
56	1110090075	Huỳnh Văn	Hải	09/07/1991		3,7	Ba phẩy bảy	C13QT1	
57	1110090077	Dương Thị	Hảo	01/08/1992		4,0	Bốn phẩy không	C13QT1	
58	1110090076	Hồ Thị Xuân	Hảo	15/06/1993		6,0	Sáu phẩy không	C13QT1	
59	1110090068	Nguyễn Thị Thanh	Hạ	07/05/1993		6,3	Sáu phẩy ba	C13QT1	
60	1110090069	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	10/12/1992		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
61	1110090070	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	16/11/1993		5,6	Năm phẩy sáu	C13QT1	
62	1110090066	Lê Ngọc Thúy	Hằng	19/07/1993		5,7	Năm phẩy bảy	C13QT1	
63	1110090065	Nguyễn Thị	Hằng	10/03/1993		4,9	Bốn phẩy chín	C13QT1	
64	1110090064	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	29/04/1993		5,3	Năm phẩy ba	C13QT1	
65	1110090081	Lê Thị Thu	Hiền	17/11/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
66	1110090080	Tạ Thị	Hiền	19/05/1993		5,4	Năm phẩy bốn	C13QT1	
67	1110090078	Trần Thị Thanh	Hiền	014/6/1993		6,3	Sáu phẩy ba	C13QT1	
68	1110090079	Vũ Phong	Hiền	10/03/1993		5,0	Năm phẩy không	C13QT1	
69	1110090082	Nguyễn Thanh	Hiển	04/03/1993		4,1	Bốn phẩy một	C13QT1	
70	1110090083	Võ Đình	Hiếu	11/06/1993		5,1	Năm phẩy một	C13QT1	
71	1110090084	Dương Hoàng	Hoa	23/05/1991		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
72	1110090085	Dương Thị My	Hoan	10/05/1993		0,8	Không phẩy tám	C13QT1	
73	1110090090	Nguyễn Văn	Hoàng	21/04/1993		5,0	Năm phẩy không	C13QT1	
74	1110090091	Võ Xuân	Hoàng	29/03/1993		4,0	Bốn phẩy không	C13QT1	
75	1110090093	Trần Thị Thái	Hòa	11/12/1993		4,5	Bốn phẩy năm	C13QT1	
76	1110090086	Huỳnh Thị Cẩm	Hồng	27/06/1993		4,0	Bốn phẩy không	C13QT1	
77	1110090087	Nguyễn Thị	Hồng	27/10/1993		5,2	Năm phẩy hai	C13QT1	
78	1110090105	Nguyễn Đình	Huy	27/04/1991		4,6	Bốn phẩy sáu	C13QT1	

	ã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1110090108	Nguyễn Khắc	**Huy**	05/01/1993		4,8	Bốn phẩy tám	C13QT1	
	1110090109	Nguyễn Quốc	**Huy**	09/09/1993		4,6	Bốn phẩy sáu	C13QT1	
81	1110090110	Trần Dương Ngọc	**Huyền**	05/04/1991		6,3	Sáu phẩy ba	C13QT1	
82	1110090103	Ngô Xuân	**Hùng**	27/03/1989		3,8	Ba phẩy tám	C13QT1	
83	1110090104	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/04/1992		6,1	Sáu phẩy một	C13QT1	
84	1110090102	Tống Xuân	**Hùng**	11/10/1993		3,9	Ba phẩy chín	C13QT1	
85	1110090092	Trương Đỗ Phúc	**Hưng**	09/09/1993		4,3	Bốn phẩy ba	C13QT1	
86	1110090099	Hồ Thị Xuân	**Hương**	13/01/1993		5,5	Năm phẩy năm	C13QT1	
87	1110090098	Huỳnh Thị Thùy	**Hương**	15/01/1993		6,6	Sáu phẩy sáu	C13QT1	
88	1110090096	Nguyễn Ngọc	**Hương**	16/07/1993				C13QT1	
89	1110090095	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	29/01/1991		4,5	Bốn phẩy năm	C13QT1	
90	1110090097	Vũ Thị Việt	**Hương**	08/04/1992		2,9	Hai phẩy chín	C13QT1	
91	1110090451	Huỳnh Thị Thúy	**Lê**	27/03/1993		5,9	Năm phẩy chín	C13QT1	
92	1110090452	Vũ Hoàng Ngọc	**Phượng**	18/04/1993		6,4	Sáu phẩy bốn	C13QT1	
93	1110090111	Thái	**Sang**	02/03/1993		6,4	Sáu phẩy bốn	C13QT1	
94	1110090112	Lê Văn Hoàng	**Sơn**	10/11/1993		4,3	Bốn phẩy ba	C13QT1	
95	1110090114	Phạm Thị Bích	**Trâm**	23/02/1993		7,0	Bảy phẩy không	C13QT1	
96	1110090453	Nguyễn Thụy Thùy	**Trinh**	01/01/1993		6,2	Sáu phẩy hai	C13QT1	
97	1110090454	Huỳnh Thị Ngọc	**Xuyến**	17/10/1993		6,8	Sáu phẩy tám	C13QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Quản trị Marketing dịch vụ (Học phần học bổ sung) - 1104020 Giám thị 1: D. Lê Ký tên:
Mã lớp học phần: 110402001 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: B. Ngân Ký tên:
Giảng viên giảng dạy: Vũ Ngọc Yến Giám thị 3: Huê Ký tên:
Ngày thi: 06/05/2014 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: B2.3** Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090002	Dương Thị Thúy	**An**	29/12/1993			4,4	Bốn bốn	C13QT1	
2	1110090004	Ngô Thị Thúy	**An**	06/03/1993			6,6	Sáu sáu	C13QT1	
3	1110090006	Đặng Thị Lan	**Anh**	14/02/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
4	1110090008	Lê Ngọc	**Anh**	03/03/1989			5,6	Năm sáu	C13QT1	
5	1110090007	Ngô Ngọc	**Anh**	21/02/1993			5,0	Năm không	C13QT1	
6	1110090009	Nguyễn Thị Vân	**Anh**	29/10/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
7	1110090012	Phan Thị Quỳnh	**Anh**	30/12/1992			6,8	Sáu tám	C13QT1	
8	1110090013	Phạm Ngọc	**Anh**	01/07/1986			6,6	Sáu sáu	C13QT1	
9	1110090011	Phạm Thị Trâm	**Anh**	08/07/1993			4,4	Bốn bốn	C13QT1	
10	1110090014	Phạm Tuấn	**Anh**	10/11/1993			7,4	Bảy bốn	C13QT1	
11	1110090015	Quảng Phụng	**Anh**	05/12/1992			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
12	1110090010	Uông Nhật	**Anh**	24/06/1993			4,8	Bốn tám	C13QT1	
13	1110090017	La Quang	**Bảo**	12/06/1993			6,8	Sáu tám	C13QT1	
14	1110090016	Ngô Hoàng	**Bảo**	22/01/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
15	1110090022	Đỗ Nguyễn Văn	**Bin**	28/04/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
16	1110090023	Nguyễn Thiên	**Bình**	01/12/1991			5,4	Năm bốn	C13QT1	
17	1110090021	Nguyễn Ngọc	**Bích**	29/11/1992			5,0	Năm không	C13QT1	
18	1110090019	Trần Thị Ngọc	**Bích**	12/02/1993			5,0	Năm không	C13QT1	
19	1110090024	Nguyễn Thị Huyền	**Chân**	14/10/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
20	1110090025	Nguyễn Minh	**Châu**	23/02/1991			4,2	Bốn hai	C13QT1	
21	1110090027	Nguyễn Ngọc	**Châu**	14/08/1992			4,4	Bốn bốn	C13QT1	
22	1110090026	Trần Thị Kim	**Châu**	17/01/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
23	1110090028	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	23/12/1993			4,8	Bốn tám	C13QT1	
24	1110090029	Trần Thị Kiều	**Chinh**	24/10/1992			6,6	Sáu sáu	C13QT1	
25	1110090030	Nguyễn Thị Huy	**Chương**	20/01/1993			5,2	Năm hai	C13QT1	
26	1110090032	Kiều Văn	**Công**	11/09/1992			6,0	Sáu không	C13QT1	
27	1110090031	Nguyễn Bá	**Công**	17/05/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
28	1110090034	Nguyễn Thị Thu	**Cúc**	07/12/1993			5,2	Năm hai	C13QT1	
29	1110090033	Nguyễn An Thanh	**Cường**	10/06/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
30	1110090035	Lê Công	**Danh**	18/04/1993			6,2	Sáu hai	C13QT1	
31	1110090036	Nguyễn Hồ Công	**Danh**	06/01/1992			5,4	Năm bốn	C13QT1	
32	1110090037	Nguyễn Hồng	**Diễm**	22/05/1992			5,6	Năm sáu	C13QT1	

33	1110090038	Phan Thị Lệ	**Diễm**	19/08/1993			5,6	Năm sáu	C13QT1	
34	1110090039	Nguyễn Thị Thủy	**Diệu**	02/05/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
35	1110090045	Bùi Thị Thùy	**Dung**	11/03/1993			6,6	Sáu sáu	C13QT1	
36	1110090046	Nguyễn Thị Mỹ	**Dung**	29/07/1993			6,8	Sáu tám	C13QT1	
37	1110090044	Nguyễn Thị Trọng	**Dung**	12/03/1991			5,0	Năm không	C13QT1	
38	1110090053	Nguyễn Văn	**Duy**	07/07/1992			4,8	Bốn tám	C13QT1	✓
39	1110090054	Thân Quốc	**Duy**	20/10/1993			7,2	Bảy hai	C13QT1	
40	1110090058	Đỗ Thị	**Duyên**	01/03/1993			6,8	Sáu tám	C13QT1	
41	1110090057	Lê Thị Kim	**Duyên**	07/12/1993			7,2	Bảy hai	C13QT1	
42	1110090055	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	02/10/1993			7,0	Bảy không	C13QT1	
43	1110090056	Trần Thị Ngân	**Duyên**	09/10/1993			5,0	Năm không	C13QT1	
44	1110090059	Trương Thị Mỹ	**Duyên**	08/04/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
45	1110090050	Trần Hoàng	**Dũng**	02/09/1992			5,0	Năm không	C13QT1	
46	1110090043	Đinh Thị Thùy	**Dương**	09/09/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
47	1110090041	Đỗ Thùy	**Dương**	26/12/1992			6,8	Sáu tám	C13QT1	
48	1110090042	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	11/10/1993			7,0	Bảy không	C13QT1	
49	1110090062	Dương Trường	**Giang**	18/09/1992			6,0	Sáu không	C13QT1	
50	1110090063	Nguyễn Thị Trà	**Giang**	04/09/1993			4,8	Bốn tám	C13QT1	✓

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 50 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 50 / 50 .

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Quản trị Marketing dịch vụ (Học phần học bổ sung) - 1104020
Mã lớp học phần: 110402001 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Vũ Ngọc Yến
Ngày thi: 06/05/2014 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: B2.4**

Giám thị 1: Ng Dung Ký tên:
Giám thị 2: Ng Thu Phương Ký tên:
Giám thị 3: Minh Giang Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090061	Nguyễn Trường	Giang	04/04/1993			5,6	Năm sáu	C13QT1	
2	1110090071	Đỗ Phạm Thu	Hà	18/03/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
3	1110090073	Hoàng Thị Như	Hà	29/12/1993		✓			C13QT1	
4	1110090072	Ngô Thị Việt	Hà	15/03/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
5	1110090074	Bành Quốc	Hải	30/05/1991			5,0	Năm không	C13QT1	
6	1110090075	Huỳnh Văn	Hải	09/07/1991			4,4	Bốn bốn	C13QT1	✓
7	1110090077	Dương Thị	Hảo	01/08/1992		✓			C13QT1	
8	1110090076	Hồ Thị Xuân	Hảo	15/06/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
9	1110090068	Nguyễn Thị Thanh	Hạ	07/05/1993			6,0	Sáu không	C13QT1	
10	1110090069	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	10/12/1992			5,0	Năm không	C13QT1	
11	1110090070	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	16/11/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
12	1110090066	Lê Ngọc Thúy	Hằng	19/07/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
13	1110090065	Nguyễn Thị	Hằng	10/03/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
14	1110090064	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	29/04/1993			6,0	Sáu không	C13QT1	
15	1110090081	Lê Thị Thu	Hiền	17/11/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
16	1110090080	Tạ Thị	Hiền	19/05/1993			5,2	Năm hai	C13QT1	
17	1110090078	Trần Thị Thanh	Hiền	014/6/1993			4,6	Bốn sáu	C13QT1	✓
18	1110090079	Vũ Phong	Hiền	10/03/1993			4,6	Bốn sáu	C13QT1	✓
19	1110090082	Nguyễn Thanh	Hiển	04/03/1993			6,0	Sáu không	C13QT1	
20	1110090083	Võ Đình	Hiếu	11/06/1993			4,6	Bốn sáu	C13QT1	✓
21	1110090084	Dương Hoàng	Hoa	23/05/1991			5,0	Năm không	C13QT1	
22	1110090085	Dương Thị My	Hoan	10/05/1993		✓			C13QT1	
23	1110090090	Nguyễn Văn	Hoàng	21/04/1993			6,0	Sáu không	C13QT1	
24	1110090091	Võ Xuân	Hoàng	29/03/1993			5,2	Năm hai	C13QT1	
25	1110090093	Trần Thị Thái	Hòa	11/12/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
26	1110090086	Huỳnh Thị Cẩm	Hồng	27/06/1993			5,0	Năm không	C13QT1	
27	1110090087	Nguyễn Thị	Hồng	27/10/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
28	1110090105	Nguyễn Đình	Huy	27/04/1991			6,0	Sáu không	C13QT1	
29	1110090108	Nguyễn Khắc	Huy	05/01/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
30	1110090109	Nguyễn Quốc	Huy	09/09/1993			5,2	Năm hai	C13QT1	
31	1110090110	Trần Dương Ngọc	Huyền	05/04/1991			6,6	Sáu sáu	C13QT1	
32	1110090103	Ngô Xuân	Hùng	27/03/1989			6,6	Sáu sáu	C13QT1	

33	1110090104	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/04/1992			6,2	Sáu hai	C13QT1	
34	1110090102	Tống Xuân	**Hùng**	11/10/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
35	1110090092	Trương Đỗ Phúc	**Hưng**	09/09/1993			7,0	Bảy không	C13QT1	
36	1110090099	Hồ Thị Xuân	**Hương**	13/01/1993			5,8	Năm tám	C13QT1	
37	1110090098	Huỳnh Thị Thùy	**Hương**	15/01/1993			6,2	Sáu hai	C13QT1	
38	1110090096	Nguyễn Ngọc	**Hương**	16/07/1993					C13QT1	
39	1110090095	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	29/01/1991			5,4	Năm bốn	C13QT1	
40	1110090097	Vũ Thị Việt	**Hương**	08/04/1992			5,2	Năm hai	C13QT1	
41	1110090451	Huỳnh Thị Thúy	**Lê**	27/03/1993			4,6	Bốn sáu	C13QT1	
42	1110090452	Vũ Hoàng Ngọc	**Phượng**	18/04/1993			6,8	Sáu tám	C13QT1	
43	1110090111	Thái	**Sang**	02/03/1993			6,0	Sáu không	C13QT1	
44	1110090112	Lê Văn Hoàng	**Sơn**	10/11/1993			5,4	Năm bốn	C13QT1	
45	1110090114	Phạm Thị Bích	**Trâm**	23/02/1993			6,4	Sáu bốn	C13QT1	
46	1110090453	Nguyễn Thụy Thùy	**Trinh**	01/01/1993			5,6	Năm sáu	C13QT1	
47	1110090454	Huỳnh Thị Ngọc	**Xuyến**	17/10/1993			4,4	Bốn bốn	C13QT1	